

Bản án số: 632/2020/DS-ST

Ngày: 19/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1259/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng M

Trụ sở: 266-268, Phường H, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Có bà A, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1234/2019/CV-CNBT ngày 31/12/2019. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1997

Địa chỉ: 103, Phường T, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng M có bà A là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/10/2017, ông H có ký với Ngân hàng M (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dung cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.965.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.738.311 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở

nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 31/7/2019, ông H còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 17.797.147 đồng, lãi quá hạn: 10.166.422 đồng. Tổng cộng là: 27.963.569 đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nay với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết: Buộc ông H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền thẻ tạm tính đến ngày 31/7/2019 là 27.963.569 đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc: 17.797.147 đồng, lãi quá hạn: 10.166.422 đồng. Ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông H vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ngân hàng M có bà A là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông H vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn Ngân hàng M có bà A là đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/8/2020 là 36.528.279 đồng, trong đó nợ gốc là: 17.797.147 đồng, nợ lãi là: 18.731.132 đồng.

Bị đơn ông H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 1259/TB-TLVA ngày 10/12/2019. Nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Ông H cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 3 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là tranh chấp về dân sự mà cụ thể là ‘tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng’ được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền:

Xét theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 6, Quận 3 thể hiện: “Ông H có hộ khẩu thường trú tại 103, Phường T, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh hiện không thực tế cư trú, đang ở tại Block 4, phòng 23.12B, số 720A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Và theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 22, quận Bình Thạnh thì tại địa chỉ trên không có Phòng 23.12B. Qua rà soát hồ sơ, danh sách quản lý nhân hộ khẩu thì tại địa chỉ trên không có nhân khẩu H cư ngụ”.

Căn cứ kết quả xác minh nêu trên cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của bị đơn được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.3. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Ngân hàng M có bà A là đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng M và ông H.

[2]. Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Về số nợ gốc: Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định về trường hợp chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ như sau: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoản cấp tín dụng chưa thanh toán đối với ông H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 04/10/2017 đã ký giữa ông H và Ngân hàng M xác định Ngân hàng đã cấp cho ông H 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.965.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.738.311 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 14/3/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó, xét việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 17.797.147 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.2. Về nợ lãi: Lãi suất được các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 04/10/2017 ((Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà Nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng M buộc ông H phải thanh toán số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/8/2020 là 18.731.132 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng M được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.826.414 (Một triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm mười bốn) đồng. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Thông tư số 19/2016/TTNHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà Nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M .

Buộc bị đơn ông H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng M số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2020 là 36.528.279 (*Ba mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi chín*) đồng, trong đó nợ gốc là: 17.797.147 đồng, nợ lãi là: 18.731.132 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp đến hạn trả nợ ông H không trả hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng M được quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày 19/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng M .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu số tiền 1.826.414 (*Một triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm mười bốn*) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng M số tiền 699.089 (*Sáu trăm chín mươi chín ngàn không trăm tám mươi chín*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0014927 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn